

BÁO CÁO NHANH
Tình hình sản xuất nông nghiệp
(Đến ngày 25 tháng 10 năm 2022)

1. Kết quả sản xuất chủ yếu

a) Sản xuất lúa

STT	Địa phương	Vụ Hè Thu năm 2022			Vụ Thu Đông 2022		
		Diện tích gieo sạ (ha)	Thu hoạch		Diện tích gieo sạ (ha)	Thu hoạch	
			Diện tích (ha)	NS (tấn/ha)		Diện tích (ha)	NS (tấn/ha)
01	Giang Thành	29.270	29.270	5,93	14.166	14.166	5,78
02	Kiên Lương	22.400	22.400	5,83			
03	Hòn Đất	78.690	78.690	5,60	5.200	3.340	5,30
04	Tp. Rạch Giá	5.483	5.483	5,32	455	20	4,50
05	Châu Thành	19.043	19.043	5,85	3.058	1.485	4,50
06	Tân Hiệp	36.598	36.598	5,93	20.156	17.445	5,40
07	Giồng Riềng	46.801	46.801	5,49	25.846	24.961	5,00
08	Gò Quao	25.332	25.332	5,71			
09	An Biên	6.020	6.020	5,52			
10	Vĩnh Thuận	3.730	3.730	4,66			
11	UM.Thượng	6.332	6.332	5,20			
Tổng cộng		279.699	279.699	5,67	68.881	61.417	5,30

b) Sản xuất vụ nuôi tôm nước lợ năm 2022

STT	Địa phương	Kế hoạch (ha)	Diện tích (ha)				Sản lượng thu hoạch (tấn)
			Tổng số	Trong đó			
				Nuôi CN	Tôm lúa	Tôm QCCT	
01	Tp. Hà Tiên	2.390	2.540	680		1.860	5.350
02	Kiên Lương	8.050	7.583	2.233	900	4.450	26.235
03	Giang Thành	3.350	3.200	195		3.005	5.270
04	Hòn Đất	4.970	4.020	420	2.200	1.400	6.155
05	An Biên	25.350	24.901	21	21.077	3.803	12.028
06	An Minh	53.850	57.946	32	49.195	8.719	24.619
07	Vĩnh Thuận	29.530	29.510		25.010	4.500	20.970
08	UM.Thượng	9.250	9.266		9.266		4.750
09	Gò Quao	3.890	4.085		2.390	1.695	3.447
Tổng cộng		140.630	143.051	3.581	110.038	29.432	108.824

2. Tình hình chung

- **Vụ lúa Hè Thu 2022:** Diện tích gieo sạ được 279.699 ha/281.000 ha, đạt 99,54% kế hoạch. Thu hoạch dứt điểm 279.699 ha, đạt 100% so với diện tích gieo trồng, năng suất bình quân ước đạt 5,67 tấn/ha, ước sản lượng 1.586.684 tấn/1.570.975 tấn, đạt 101,00% kế hoạch.

- **Vụ lúa Thu Đông 2022:** Diện tích gieo sạ được 68.881 ha/80.000 ha, đạt 86,47% kế hoạch. Đến nay thu hoạch được 61.417 ha, đạt 89,20% diện tích gieo trồng, năng suất bình quân ước đạt 5,30, ước sản lượng 325.362 tấn.

- **Vụ Mùa 2022-2023:** Diện tích gieo trồng được 66.438 ha/68.450 ha, đạt 97,06% kế hoạch. Tập trung ở các huyện: An Minh 25.598 ha, An Biên 20.027 ha, Vĩnh Thuận 12.955 ha, U Minh Thượng 6.768 ha, Gò Quao 899 ha và Giang Thành 145 ha.

- **Vụ Đông Xuân 2022-2023:** Diện tích gieo trồng được 18.287 ha/283.000 ha, đạt 6,46 % kế hoạch. Tập trung ở các huyện: Vĩnh Thuận 3.354 ha, U Minh Thượng 3.732 ha và An Biên 4.999 ha, Giang Thành 1.600 ha, Kiên Lương 2.000 ha, Gò Quao 960 ha, Châu Thành 664 ha và Tp. Rạch Giá 455 ha

- **Vụ nuôi tôm nước lợ năm 2022:** Diện tích thả nuôi được 143.015 ha/140.630 ha, đạt 101,72% kế hoạch và tăng 5,12% so với cùng kỳ. Trong đó, diện tích nuôi tôm công nghiệp 3.581 ha; nuôi tôm quảng canh-quảng canh cải tiến 29.432 ha và nuôi tôm - lúa 110.038 ha. Ước sản lượng thu hoạch đến nay đạt 108.824 tấn, đạt 100,30% kế hoạch và tăng 18,63% so cùng kỳ.

3. Tình hình sinh vật gây hại trên lúa

Tổng diện tích nhiễm sâu, bệnh trên lúa Thu Đông 2022, Đông Xuân và Mùa 2022-2023 là 1.892 ha (*giảm 36 ha so với tuần trước*). Trong đó diện tích nhiễm trên lúa Thu Đông là 290 ha, Đông Xuân là 743 ha và Mùa là 859 ha. Các đối tượng dịch hại bao gồm: Bệnh đạo ôn lá diện tích nhiễm trên lúa Mùa và Đông Xuân là 1.422 ha (*giảm 124 ha so với tuần trước*). Trong đó, diện tích nhiễm vụ Đông Xuân và Mùa là 799 ha; Bệnh cháy bìa lá diện tích nhiễm trên lúa Thu Đông và Mùa là 43 255 ha (*tăng 212 ha so với tuần trước*). Trong đó, lúa Thu Đông là 240 ha và Mùa là 15 ha. Ngoài ra các đối tượng gây hại như: Bệnh lem lép hạt, OBV, rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá, đạo ôn cổ bông, muỗi hành, bù lạch,... xuất hiện và gây hại ở mức rải rác đến nhẹ, không ảnh hưởng đến sinh trưởng cây lúa.

4. Thông tin thị trường

- | | | |
|-----------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------|
| - Lúa thường (tươi): 6.200-6.300đ | - Heo hơi: 58.000đ-62.000 đ | - Urê: 16.500-17.000đ |
| - Lúa CLC (tươi): 6.300-6.400đ | - Tôm sú (30c/kg): 190.000đ-200.000đ | - NPK (16-16-8): 22.600đ |
| - Gạo thường: 11.500đ-12.500đ | - Tôm thẻ (100c/kg): 95.000đ-100.000đ | - NPK (20-20-15): 24.600đ |
| - Gạo CLC: 15.000đ-16.000đ | - Cá bớp: 190.000-200.000đ | - KCL: 19.800 đ - DAP: 26.800đ |

Nơi nhận:

- Cục trồng trọt (I+II), Vụ nuôi trồng TS;
- TT Tin học & Thống kê (Bộ NN);
- VP.TU, VP.UBND tỉnh;
- Cục Thống kê, Sở KH-ĐT, Sở Công Thương;
- BGD Sở;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, Tp;
- Website Sở;
- Lưu: VT, KH-TC, hngoc.



Huỳnh Văn Nhứt